

## **MỘT SỐ ĐÓNG GÓP CỦA TỔNG ĐỐC TRÍ SĨ NGUYỄN NĂNG QUỐC VỚI PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO Ở MIỀN BẮC (Giai đoạn 1934-1945)**

LÊ TÂM ĐẮC<sup>(\*)</sup>  
NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG<sup>(\*\*)</sup>

**N**gay từ giữa thập niên 20, nhất là từ đầu thập niên 30 của thế kỷ XX, phong trào chấn hưng Phật giáo đã diễn ra một cách sâu rộng trên toàn đất nước Việt Nam. Ở Miền Bắc, Hội Phật giáo Bắc Kỳ chính thức được thành lập vào tháng 11 năm 1934, tuy muộn hơn so với Hội Phật học Nam Kỳ ở Miền Nam (năm 1931) và Hội Phật học An Nam ở Miền Trung (năm 1932) nhưng lại phát triển một cách nhanh chóng và đạt được thành tựu đáng kể trên nhiều lĩnh vực.

Thành quả mà Hội Phật giáo Bắc Kỳ (1934-1945) cũng như các tổ chức Phật giáo hậu thân của nó được thành lập trong giai đoạn 1945-1954 đạt được, bên cạnh sự đóng góp quan trọng của nhiều bậc Thiên gia kỳ túc như Hoà thượng Thanh Hanh (Tổ Vinh Nghiêm), Hoà thượng Thanh Át (Tổ Trung Hậu), Hoà thượng Doãn Hải (Tổ Tế Cát), Hoà thượng Trung Thứ (Tổ Bằng Sở), Hoà thượng Tuệ Tạng (Tổ Côn),...; của một thế hệ tăng sĩ trẻ xuất chúng như Thích Trí Hải, Thích Tố Liên,...; của các trí thức cư sĩ tại gia và nhà Phật học nổi tiếng như Nguyễn Hữu Kha, Nguyễn Trọng Thuật, Trần Trọng Kim, Bùi Kỳ, Nguyễn Văn Ngọc, Dương Bá Trạc,...; còn là sự tham góp

tích cực và hiệu quả của nhiều vị quan lại, đương chức hay hưu trí, như Tổng đốc Phan Đình Hoè, Tổng đốc Nguyễn Văn Bản, Tổng đốc Vi Văn Định, Tuần phủ Trần Văn Đại,...

Tổng đốc trí sĩ Nguyễn Năng Quốc, Hội trưởng Hội Phật giáo Bắc Kỳ giai đoạn 1934-1945, là một trong những nhân vật Phật giáo tiêu biểu đó.

Nguyễn Năng Quốc, hiệu là Vi Khanh, sinh năm 1870, tại làng Thượng Tân, xã Thượng Tân, huyện Thái Ninh cũ, nay là thị trấn Châu Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Ông làm Tổng đốc Thái Bình vào những năm 1920. Sau khi hưu trí, ông về trú tại ấp Thái Hà, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông, nay thuộc quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Năm 1934, ông được Hội Phật giáo Bắc Kỳ tín nhiệm mời làm Hội trưởng. Trên cương vị là người lãnh đạo cao nhất, ông đã có những đóng góp đáng kể, giúp Hội Phật giáo Bắc Kỳ phát triển một cách nhanh chóng.

*Về công tác tổ chức* Với trách nhiệm là Hội trưởng, ông tiến hành triệu tập các

\*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

\*\*.. Nhà nghiên cứu, Hà Nội

Kì đại hội đồng để bàn thảo và quyết định những công việc quan trọng của Hội Phật giáo Bắc Kỳ, nhất là trong giai đoạn đầu khi Hội mới được thành lập.

Để ổn định tổ chức và phù hợp với tính chất hoạt động của một tổ chức Phật giáo, ông đã đề xuất với Ban Quản trị Trung ương việc sửa đổi lại Điều Lệ của Hội. Bởi vì, nội dung của bản Điều Lệ cũ, do phải soạn thảo gấp để đính kèm vào đơn xin phép lập Hội chủ yếu dựa vào điều lệ của các hội từ thiện đương thời, nên có một số điều khoản không thích hợp với hoạt động của một tổ chức Phật giáo như Hội Phật giáo Bắc Kỳ. Phạm vi quyền hạn của Ban Quản trị Trung ương cần phải nhanh chóng được điều chỉnh cho phù hợp hơn với thực tế công việc của Hội là một ví dụ tiêu biểu.

Trước đó, đối với những việc quan trọng, Ban Quản trị Trung ương không có đủ quyền tự quyết định mà phải triệu tập họp để lấy ý kiến số đông của đại hội đồng. Việc làm này đã gây ra nhiều phiền phức, do vậy, theo ý kiến đề xuất của Hội trưởng Nguyễn Năng Quốc, Hội Phật giáo Bắc Kỳ quyết định thành lập Hội đồng Thường trực Ban Quản trị Trung ương để giải quyết nhanh chóng và kịp thời những công việc quan trọng của Hội mà không cần họp đại hội đồng lấy ý kiến của số đông như cách làm trước đây<sup>(1)</sup>.

Trong cuộc họp ngày 14 tháng 5 năm 1935, Hội Phật giáo Bắc Kỳ đã bầu Hội đồng Thường trực Ban Quản trị Trung ương với cơ cấu và số lượng đại biểu như sau: 7 chi hội địa phương (đã được thành lập cho đến thời điểm trước khi bầu), mỗi nơi cử 1 đại biểu xuất gia và 1 đại biểu tại gia, Trung ương cử 7 đại biểu xuất gia và 28 đại biểu tại gia, tổng cộng là 49 vị.

Bên cạnh đó, với cương vị là Hội trưởng, Nguyễn Năng Quốc còn thường xuyên quan tâm và tham dự buổi thành lập các chi hội Phật giáo địa phương trong địa hạt mà Hội Phật giáo Bắc Kỳ quản lí.

*Về việc xây dựng chùa hội quán trung ương:* Ông luôn sốt sắng việc xây dựng lại chùa Quán Sứ to đẹp và hoành tráng làm chùa hội quán trung ương. Ông đã cho Hội Phật giáo Bắc Kỳ vay 380 đồng để trả tiền cho kiến trúc sư vẽ kiểu mẫu ngôi chùa hội quán trung ương<sup>(2)</sup>. Khi có kiểu mẫu ngôi chùa mới<sup>(3)</sup>, một vấn đề đặt ra vô cùng quan trọng là kinh phí xây dựng. Về vấn đề này, trong cuộc họp hội đồng Ban Quản trị Trung ương ngày 10 tháng 5 năm 1935, ông nói: “Ta sẽ cùng nhau nghĩ cách tìm tiền... Một sư cụ Cổ Lễ mà còn làm được ngôi chùa to, phí đến 5 vạn, huống chi Hội Phật giáo Bắc Kỳ chẳng dựng được một ngôi chùa đáng 7 vạn hay sao. Làm xong chùa này, ta sẽ trừ tính mua khu đất độ 20 mẫu dựng một ngôi chùa to nhất Đông Dương”<sup>(4)</sup>.

Trong cuộc họp hội đồng Ban Quản trị Trung ương ngày 19 tháng 9 năm 1935, ông đã trình bày những ý kiến về việc xây dựng chùa hội quán trung ương trước Tổng đốc Hoàng Trọng Phu-Chánh

1. Xem: "Công việc của Hội trong tháng Mai năm 1935", trong: *Tập Kỷ yếu Hội Phật giáo*, năm 1935, tr.96-97.

2. Xem: “Biên bản Hội đồng Ban Quản trị và Ban Công tác Hội Phật giáo”. *Đuốc Tuệ*, số 81, năm 1938, tr.44.

3. Trên thực tế, do nhiều nguyên nhân khác nhau, sau đó, khi chùa Quán Sứ được xây dựng lại làm chùa hội quán trung ương đã không được thực hiện theo mẫu vẽ này. Xem: Samôn Trí Hải. *Hồi ký thành lập Hội Phật giáo Việt Nam*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2004.

4. “Công việc của Hội trong tháng Mai năm 1935”, trong: *Tập Kỷ yếu Hội Phật giáo*, năm 1935, tr. 96.

Hội trưởng Danh dự và Tổ Vinh Nghiêm (Thích Thanh Hanh) - Thiên gia Pháp chủ, cùng lời mời hai vị đồng giữ chức Chánh Hưng công. Hai vị này đã vui vẻ nhận lời mời.

Để có nguồn kinh phí xây dựng chùa hội quán trung ương (dự tính là 7 vạn đồng), ông đã đề xuất và được Ban Quản trị Trung ương chấp thuận một số sáng kiến như quy định từ cấp Hội viên Chủ trì trở lên (cả hàng xuất gia lẫn hàng tại gia) mỗi người cúng góp 1 đồng, xin phép Thống sứ Bắc Kỳ lập sổ quyền tiền thập phương<sup>(5)</sup>, soạn thảo Điều lệ bầu Hậu Phật<sup>(6)</sup>, tích cực cổ động khuyến khích nhiều người vào Hội...<sup>(7)</sup>

*Về công tác đào tạo Tăng tài:* Cùng các thành viên của Ban Quản trị Trung ương, ông luôn quan tâm đến việc thành lập các trường Phật học để đào tạo Tăng tài. Bởi vì, theo ông, Phật giáo Việt Nam hiện thời cũng như trong tương lai phát triển hay suy vong phụ thuộc nhiều vào sự học tập đội ngũ Tăng ni.

Để công tác đào tạo Tăng tài tiến hành đạt kết quả tốt, Hội Phật giáo Bắc Kỳ đã rất quan tâm việc học tập kinh nghiệm các trường Phật học của Hội Phật học An Nam (Miền Trung), một trung tâm giáo dục Phật giáo Việt Nam phát triển mạnh mẽ đương thời.

Đầu năm 1936, khi vào Huế dự lễ Tế Nam Giao, ông cùng với Hoà thượng Trung Thứ (Tổ Bằng Sở) và Thượng toạ Trí Hải đi tìm hiểu các trường Phật học của Hội Phật học An Nam. Tháng 9/1936, ông cùng với Thượng toạ Tố Liên đi tham cứu trường Phật học Huế trong thời gian 1 tháng, lấy được chương trình Phật học các cấp của Hội Phật học An Nam ra Bắc cùng

Ban Bảo trợ Học đường xây dựng một chương trình chung cho các trường Phật học của Hội Phật giáo Bắc Kỳ.

Nhìn vào chương trình đào tạo áp dụng tại các trường Phật học của Hội Phật giáo Bắc Kỳ, chúng ta có thể thấy sự khá toàn diện trong nội dung đào tạo Tăng tài theo lối mới. Chẳng hạn, để học tăng có kiến thức toàn diện, bên cạnh những môn Phật học đa dạng, nội dung đào tạo còn chú trọng đến ngoại điển và các môn thế học. Các môn thế học được bổ sung và nâng cao dần theo từng cấp học. Nếu như ở cấp Tiểu học, thế học chỉ gồm Quốc ngữ và Toán, thì sang đến cấp Trung học và nhất là cấp Đại học, chương trình đào tạo đã hướng tới các môn Triết học Đông Tây, Việt sử, Quốc văn, Cách dư, Địa chí, các thư tịch và kinh điển Nho giáo<sup>(8)</sup>.

5. Hội Phật giáo Bắc Kỳ đã thành lập một tiểu ban phụ trách việc đi quyền tiền thập phương gồm các bà: Vĩnh Hoà, Nguyễn Thị Nghi, Nguyễn Quang Thức, Đào Huống Mai, Lê Dư, Thái An, Đặng Thị Cung, Cả Mọc. Xem: "Công việc của Hội trong tháng Mai năm 1935", trong: *Tập Kỉ yếu Hội Phật giáo*, năm 1935, tr. 98.

6. Ban Soạn thảo Điều lệ bầu Hậu Phật được lập ra trong cuộc họp hội đồng Ban Quản trị Trung ương ngày 14 tháng 5 năm 1935 gồm: Hội trưởng Nguyễn Năng Quốc làm Trưởng ban, các uỷ viên gồm: Lê Văn Phúc, Nguyễn Văn Canh, Lê Toại, Lê Dư, Hoà Ký, Đào Huống Mai, Hương ích, Hai Đình, Chánh Vận, các nhà sư Vô Thịnh, Phúc Chính, Tế Cát, Trung Hậu. Xem: "Công việc của Hội trong tháng Mai năm 1935", trong: *Tập Kỉ yếu Hội Phật giáo*, tr. 98.

7. Theo đề nghị của Hội trưởng Nguyễn Năng Quốc, Hội Phật giáo Bắc Kỳ quyết định: hễ ai rủ được 100 Hội viên Chủ trì thì Hội sẽ tặng cho một chức Hội viên Tấn trợ, ai rủ được 1 Hội viên Tấn trợ thì được tính bằng 10 Hội viên Chủ trì, rủ được 1 Hội viên Vĩnh viễn thì được tính bằng 6 Hội viên chủ trì. Xem: "Công việc của Hội từ tháng Novembre 1934 đến tháng Avril 1935", trong: *Tập Kỉ yếu Hội Phật giáo*, năm 1935, tr.46.

8. Xem: *Bắc Kỳ Phật Giáo Hội: Chương trình Phật học*. Đuốc Tuệ, số 50, năm 1936, tr.6-9.

Trong bài diễn thuyết đọc tại buổi lễ khai giảng Trường Phật học Bằng Sở (cấp Đại học) cuối năm 1936, ông tâm sự: “Thoạt khi bắt đầu tổ chức nên Hội Bắc Kỳ Phật giáo chấn hưng này, cái công cuộc chấn hưng thứ nhất là tôi đã để ý muốn sẵn sóc ngay đến việc học ở chốn Thiền môn. Sự sẵn sóc đến việc học đó, tức là trau dồi về đường tinh thần của nền Phật giáo, nghĩa là muốn chấn hưng Phật giáo nước nhà, thì tất phải chú trọng về mặt tinh thần, cũng như là về đường vật chất”<sup>(9)</sup>.

Để công cuộc chấn hưng Phật giáo nói chung, công tác đào tạo Tăng tài nói riêng đạt kết quả tốt hơn nữa, ông đã động viên tăng ni sinh: “Các anh em đã biết tôn sùng đạo Phật, thì các anh em phải nên ngắm trước trông sau, cố trí suy nghĩ học hành, làm sao cho được theo đuổi bằng người, để khỏi mang tiếng nền Phật giáo nước nhà. Và phải làm thế nào cho một ngày kia, các anh em cũng sẽ theo chân nối gót với những bậc Đại đức đời xưa mà đưa ra các nước tuyên truyền giáo lý để thu phục tín đồ và để làm cho Phật pháp ngày một xướng minh hơn nữa”<sup>(10)</sup>.

Trong cuộc họp bất thường đại hội đồng ngày 16 tháng 10 năm 1937, khi đề cập đến công tác đào tạo Tăng tài, ông đã đề xuất với Ban Quản trị Trung ương việc lập Trường/Lớp Thiền học Sư phạm (3 năm, 6 năm hoặc 9 năm) nhằm đào tạo ra những tăng sĩ, giảng sư chất lượng cao phục vụ cho việc giảng dạy và hoằng dương Phật pháp tại các chi hội Phật giáo địa phương đã, đang và sẽ được thành lập với tốc độ ngày một nhanh, nhất là ở những tỉnh Thượng du ở Miền Bắc đương thời<sup>(11)</sup>.

Trường/Lớp Thiền học Sư phạm là một ý tưởng mới mẻ và sáng tạo. Vì vậy, Trung ương Hội Phật giáo Bắc Kỳ thậm chí đã bầu ra một Ban Tổ chức, do Hoà thượng Trung Hậu làm Trưởng ban, để định cách chọn học tăng và chương trình giảng dạy cụ thể. Đáng tiếc là, cho đến cuối năm 1938, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhất là do tăng sinh nhập học quá ít, lại thêm công việc làm chùa hội quán trung ương quá bận rộn (có lẽ còn do kinh phí hạn hẹp nữa), nên Hội đành phải hoãn Trường/Lớp Thiền học Sư phạm<sup>(12)</sup>.

*Về công tác từ thiện nhân đạo:* Năm 1937, thay mặt Hội Phật giáo Bắc Kỳ, ông ra lời kêu gọi tổ chức Tuần lễ Từ thiện. Để hiện thực hoá lời kêu gọi, ông đã trực tiếp đứng ra vận động cứu tế đồng bào bị bão lụt ở các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang năm 1937. Cụ thể, tháng 10 năm 1937, ông cùng với các thành viên của Ban Quản trị Trung ương phối hợp với Báo Đông Pháp phát 100 tạ gạo, 150 đôi chiếu cho 15.025 người vùng bão lụt của 2 địa phương nói trên.

Ông còn cùng với vợ mua 15.000 bộ quần áo dạ nhà binh cũ về thuê thợ may vá, sửa chữa lại; mua bao bột mì bằng

9. "Về lễ khai giảng trường Phật học của Hội Phật giáo Bắc Kỳ: Bài diễn thuyết của cụ Hiệp Nguyễn Năng Quốc, Hội trưởng Hội Phật giáo Bắc Kỳ", *Đuốc Tuệ*, số 62, năm 1937, tr.25.

10. "Về lễ khai giảng trường Phật học của Hội Phật giáo Bắc Kỳ: Bài diễn thuyết của cụ Hiệp Nguyễn Năng Quốc, Hội trưởng Hội Phật giáo Bắc Kỳ", *Đuốc Tuệ*, số 62, năm 1937, tr.25.

11. Xem: "Biên bản bầu thêm Ban Trị sự Phật học Hội Phật giáo Bắc Kỳ", *Đuốc Tuệ*, số 75, năm 1937, tr.25.

12. Xem: "Biên bản kỳ Hội đồng bất thường Chư tăng", *Đuốc Tuệ*, số 72, năm 1937, tr.43-44; "Công đức thuyết học của Hội Phật giáo Bắc Kỳ", *Đuốc Tuệ*, số 90, năm 1938, tr.9-10.

vải về giặt sạch để may quần áo cho đồng bào. Tổng cộng, vợ chồng ông đã phát 4.000 bộ quần áo cho đồng bào tỉnh Bắc Ninh, 3.000 bộ quần áo cho đồng bào tỉnh Bắc Giang.

*Về phương diện đối ngoại:* Bằng nhiều hoạt động cụ thể, ông tiếp tục xây dựng và củng cố mối quan hệ thân thiết giữa Hội Phật giáo Bắc Kỳ với các Hội Phật học trong cả nước, nhất là Hội Phật học An Nam ở Miền Trung.

Đáng chú ý là năm 1938, thay mặt Hội Phật giáo Bắc Kỳ, ông đã viết đơn lên Toàn quyền Đông Dương đề nghị cho viên chức ở Bắc Kỳ được nghỉ thêm 2 ngày lễ Phật giáo trong năm là ngày Lễ Phật Đản (đương thời được tổ chức vào mùng 8 tháng 4 âm lịch) và ngày Lễ Trung Nguyên (Lễ Vu Lan, Lễ Xá tội vong nhân, rằm tháng 7 âm lịch). Toàn quyền Đông Dương, trong quyền hạn của mình và sau khi trao đổi ý kiến với vua Bảo Đại, đã cho phép các viên chức ở Bắc Kỳ được nghỉ vào buổi chiều ngày Lễ Trung Nguyên.

Tại Lễ Phật Đản năm 1938, ông quy y thụ giới, chính thức trở thành một Phật tử. Trước khi thực hiện nghi lễ, tại chùa Quán Sứ, ông đã có bài thuyết giảng trước đông đảo Tăng ni, hội viên và thiện tín của Hội Phật giáo Bắc Kỳ về ý nghĩa của Lễ Tam quy. Trong bài giảng thuyết, ông tâm sự, động cơ để ông quả quyết quy y là vì tấm lòng chân thành hâm mộ Phật pháp và theo nền nếp của gia đình<sup>(13)</sup>.

Đầu tháng 9 năm 1939, do tuổi cao sức yếu sau một đợt bệnh nặng kéo dài, lại thêm công việc của Hội Phật giáo Bắc Kỳ quá nhiều, nhất là việc xây dựng lại chùa hội quán trung ương, nên ông đã viết một bức thư kính đạt chi hội trưởng và

giáo hữu các chi hội Phật giáo địa phương xin từ chức Hội trưởng.

Cuối tháng 9 năm 1939, ông cùng gia quyến về dưỡng nhàn ở cố viên Thái Ninh, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên, do sự tín nhiệm của Ban Quản trị Trung ương và toàn thể hội viên, ông được bầu lại giữ chức Hội trưởng trong kỳ đại hội đồng ngày 12 tháng 5 năm 1940.

Từ năm 1941 đến năm 1944 là thời kỳ ông bị ốm nặng. Mặc dù vẫn giữ chức vụ Hội trưởng nhưng ông không trực tiếp tham gia các lần đại hội đồng và hầu như không điều hành công việc của Hội Phật giáo Bắc Kỳ. Công việc của Hội khi ấy được giao cho các vị Phó Hội trưởng: Trần Văn Đại, Nguyễn Văn Ngọc, Bùi Thiện Căn. Tới đại hội đồng ngày 19 tháng 5 năm 1945, ông nghỉ hẳn các công việc của Hội. Đại hội đã bầu Hoà thượng Tuệ Tạng (Thích Tâm Thi) làm Chủ tịch Hội Phật giáo Bắc Kỳ.

Tổng đốc trí sĩ Nguyễn Năng Quốc mất vào ngày 11 tháng 3 năm 1951, thọ 81 tuổi. Lễ truy điệu ông được Hội Phật giáo Việt Nam (tổ chức hậu thân của Hội Phật giáo Bắc Kỳ, được thành lập sau năm 1945) tiến hành tại chùa Quán Sứ vào ngày 13 tháng 3 năm 1951.

Để cảm ơn những công lao giúp đỡ nhân dân phát triển sản xuất, an cư lạc nghiệp trong thời gian làm Tổng đốc, sau khi mất, ông đã được nhân dân 11 xã trong tỉnh Thái Bình đã thờ làm thần<sup>(14)</sup>.

13. Xem: "Mấy lời cùng các giáo hữu trước khi làm lễ quy của cụ Vi Khanh Nguyễn Năng Quốc". *Đuốc Tuệ*, số 86, năm 1938, tr.3-10.

14. Văn Thanh. *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam và phát nguồn các giáo phái hiện đại*. Các Phật học viện và các chùa xuất bản. Sài Gòn năm Giáp Dần (1974), Phật lịch 2518, tr.221.